TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN,** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 203/2024/DS-ST
Ngày 04 – 9 – 2024
V/v tranh chấp HĐ về hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Lâm Hoài Ân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Minh Trọn

2. Bà Đoàn Thị Sim

- Thư ký phiên toà: Ông Lữ Tấn Thiên – Là Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Trung Tính - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 196/2024/TLST-DS, ngày 08 tháng 5 năm 2024 về việc tranh chấp hợp đồng về hụi theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 233/2024/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Lưu Út T, sinh năm 1990; Địa chỉ: ấp Bào C, xã V, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Hồng Minh B, sinh năm 1970 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1975; Địa chỉ: ấp Hiệp T, xã V, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của ông Hồng Minh B: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1975; Địa chỉ: ấp Hiệp T, xã V, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau là người đại diện theo ủy quyền của ông Hồng Minh B theo văn bản ủy quyền ngày 31/5/2024 (có mặt).

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Chị Hồng Thị N, sinh năm 1992 và anh Trần Quốc L, sinh năm 1995; Địa chỉ: ấp Bào C, xã V, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của anh Trần Quốc L: Chị Hồng Thị N, sinh năm 1992; Địa chỉ: ấp Bào C, xã V, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau là người đại diện theo ủy quyền của anh Trần Quốc L theo văn bản ủy quyền ngày 12/6/2024 (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án được bổ sung tại phiên tòa, anh Lưu Út T (nguyên đơn) trình bày:

Ngày 30/7/2021 âm lịch, anh có tham gia chơi 01 chân hụi do ông Hồng Minh B và bà Nguyễn Thị H làm chủ, loại hụi 3.000.000 đồng, hụi có 45 chân, hụi tháng khui hai lần vào ngày 15 và ngày 30 của tháng. Trong thời gian giao dịch, anh đã đóng được 44 lần, hụi đã mãn vào tháng 5/2023 nhưng đến nay, vợ chồng ông B không chung hụi cho anh, hiện dây hụi này vợ chồng ông B còn nợ số tiền 132.000.000 đồng. Đến ngày 15/01/2022 âm lịch, anh tiếp tục tham gia 02 chân hụi do vợ chồng ông B làm chủ, loại hụi 500.000 đồng, dây hụi này có 66 chân, hụi tháng khui 02 lần vào ngày 15 và ngày 30 của tháng. Trong quá trình giao dịch, anh đóng được 78 kỳ/02 chân nhưng đến tháng 7/2023 âm lịch, phía chị Hồng Thị N tuyên bố đình hụi, không gom hụi nữa nên trong dây hụi này, vợ chồng ông B còn nợ lại số tiền 39.000.000 đồng.

Cả hai dây hụi đều có lập danh sách hụi viên, do ông Hồng Minh B đưa cho anh và hụi này là hụi hưởng hoa hồng. Trong quá trình giao dịch hụi, bà H là người trực tiếp rủ các hụi viên tham gia hụi và ông B làm chủ, thời gian đầu bà H là người đứng ra khui hụi khoảng 20 lần thì vợ chồng chị Hồng Thị N đứng ra khui hụi, đi gom tiền hụi của anh. Tại tòa, anh T xác định cả hai dây hụi này, anh tham gia chơi hụi với vợ chồng ông B và vợ chồng ông B còn nợ anh tổng số tiền là 171.000.000 đồng. Sau đó, chị Hồng Thị N và anh Bùi Quốc L có trả cho anh được số tiền 20.000.000 đồng nên số tiền hụi còn nợ lại là 151.000.000 đồng. Đến khoảng ngày 18, 19 tháng 5 năm 2024 giữa anh với vợ chồng chị N có đối chiếu hụi với nhau theo đó trừ tiền cò của dây hụi 3.000.000 đồng là 1.800.000 đồng, trừ tiền hụi chết 6.570.000 đồng nên tổng số tiền hụi hiện nay còn nợ là 142.630.000 đồng. Do thời gian đầu, vợ chồng chị N sống cùng với vợ chồng ông B nên việc chị N khui hụi, gom hụi, đối chiếu hụi, thông báo đình hụi và trả tiền hụi thì anh cùng các hụi viên khác không ai thắc mắc vì nghĩ vợ chồng chị N là con ông B, bà H nên người nào thực hiện giao dịch về hụi cũng được bởi danh sách hụi viên là ông B làm chủ hụi. Hơn nữa, từ trước đến nay vợ chồng ông B mở rất nhiều dây hụi và có uy tín với địa phương nên khi bà H rủ tham gia anh không nghi ngờ gì. Nay anh yêu cầu vợ chồng ông B và vợ chồng chị N cùng có trách nhiệm liên đới trả cho anh một lần hết số tiền nợ nêu trên. Ngoài ra, anh không yêu cầu gì thêm.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án được bổ sung tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị H là bị đơn và là người đại diện hợp pháp của ông Hồng Minh B trình bày:

Bà và ông Hồng Minh B là vợ chồng, việc anh T kiện vợ chồng bà là không đúng bởi vợ chồng bà không tham gia giao dịch hụi với anh T, tuy vợ chồng bà trước đây có mở hụi nhưng đối với dây hụi anh T kiện thì vợ chồng bà không rủ, không giao danh sách hụi viên cho anh T. Hai dây hụi anh T yêu cầu là do vợ chồng con gái của ông bà là chị Hồng Thị N, anh Trần Quốc L làm chủ và có tổ chức khui hụi (bỏ thăm) tại nhà bà được một thời gian thì chuyển sang nhà của vợ chồng chị N. Quá trình giao dịch hụi, vợ chồng chị N là người trực tiếp khui hụi, gom hụi, thỏa thuận đình hụi với hụi viên, trả số tiền 20.000.000

đồng và đối chiếu tiền hụi chết, trừ tiền cò với anh T chứ vợ chồng bà không tham gia nên số tiền nợ hụi mà anh T yêu cầu thì chị N, anh L phải có trách nhiệm trả cho anh T, ông bà không đồng ý trả theo yêu cầu của anh T.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án được bổ sung tại phiên tòa, chị Hồng Thị N là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và là người đại diện hợp pháp của anh Trần Quốc L trình bày:

Về thời gian mở hụi, khui hụi, số chân hụi tham gia, thời gian mãn hụi, thời gian hụi đình và việc trả số tiền 20.000.000 đồng anh T trình bày là đúng nhưng trong hai dây hụi trên, ông B và bà H là cha mẹ của chị không có tham gia giao dịch với anh T cũng không làm chủ hụi mà hai dây hụi trên do chị cùng chồng là anh Trần Quốc L làm chủ. Sau đó, vợ chồng chị là người trực tiếp trả số tiền 20.000.000 đồng cho anh T và trực tiếp đối chiếu tiền hụi chết, tiền cò của dây hụi 3.000.000 đồng với anh T nên vợ chồng chị xác định số tiền nợ hụi còn lại là 142.630.000 đồng là vợ chồng chị nợ anh T chứ ông B, bà H không nợ anh T và vợ chồng chị đồng ý trả số tiền nợ trên cho anh T, không đồng ý việc anh T kiện đòi ông B, bà H cùng có trách nhiệm trả nợ. Nay do hoàn cảnh khó khăn, vợ chồng chị phải đi ra ngoài tỉnh để làm thuê, thu nhập hàng tháng sau khi trừ chi phí sinh hoạt gia đình, lo cho con đi học thì vợ chồng chị còn dôi dư được khoảng từ ba đến bốn triệu đồng nên chị xin trả dần mỗi tháng từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và nội dung giải quyết vụ án:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với việc giải quyết vụ án, với các chứng cứ có tại hồ sơ, lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hợp đồng về hụi. Quá trình giao dịch hụi, tuy không có đăng ký với chính quyền địa phương nhưng việc mở hụi vào ngày 30/7/2021 âm lịch, ngày 15/01/2022 âm lịch đều có lập danh sách hụi viên và các đương sự thừa nhận về thời gian mở hụi, loại hụi, thời gian khui hụi, số hụi viên tham gia trong từng dây hụi, số chân hụi mà nguyên đơn tham gia, thời gian mãn hụi, thời gian đình hụi và số tiền hụi còn nợ trong hai dây hụi nêu trên là 142.630.000 đồng (một trăm bốn mươi hai triệu sáu trăm ba chục nghìn đồng) mà nguyên đơn yêu cầu là đúng sự thật nên không phải chứng minh.

[2] Tuy nhiên, các đương sự không thống nhất với nhau về nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ hụi trên. Tại phiên tòa, bà H thừa nhận vợ chồng bà đã từng làm chủ hụi tại địa phương nhiều năm và có uy tín ở địa phương nhưng các dây hụi anh T yêu cầu, vợ chồng bà không trực tiếp rủ các hụi viên tham gia mà do vợ chồng

chị N đứng ra tổ chức, rủ hụi viên tham gia vào các dây hụi này. Mặc dù, có việc mở hụi, bốc thăm hụi tại gia đình vợ chồng bà nhưng vợ chồng bà không tham gia, bà không biết lý do nào con gái của bà ghi tên chủ hụi trong danh sách hụi viên là ông Minh B. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh một số hụi viên tham gia vào hai dây hụi nêu tại [1] và họ đều khẳng định *"Bà H, ông B trực tiếp rủ chơi hụi và việc tổ chức khui hụi (bỏ thăm) giai đoạn đầu do bà H, ông B tổ chức khui tại nhà của ông, bà được vài tháng chuyển qua nhà chị N tổ chức khui, tuyên bố đình hụi"* (Bút lục 39 – 52), lời khai trên phù hợp với lời thừa nhận của bà H về việc có tổ chức khui hụi tại nhà bà H, phù hợp với danh sách hụi viên ghi nhận *"tên chủ hụi Hồng Minh B"*. Mặt khác, giữa các hụi viên được ghi lời khai không có mối quan hệ huyết thống, không mâu thuẫn với bà H, ông B thì không có lý do nào để họ khai bất lợi cho ông B, bà H dù rằng bà H có cung cấp xác nhận của các hụi viên, của Ban nhân dân ấp ký vào ngày 19/8/2024 (Bút lục 66) nhưng những hụi viên cùng Ban nhân dân ấp chỉ xác nhận việc tham gia dây hụi một triệu đồng, dây hụi năm trăm nghìn đồng do chị N làm chủ chứ không xác nhận chị N mở và làm chủ dây hụi ngày 30/7/2021 âm lịch.

Bên cạnh đó, tại biên bản lấy lời khai của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Phú Tân vào ngày 21/02/2024, chị N khai nhận tại thời điểm đình hụi (ngày 30/7/2023 âm lịch nhằm ngày 14/9/2023 dương lịch) chị N còn làm chủ hai dây hụi tháng chưa mãn, hụi hai triệu đồng mở ngày 30/4/2022 âm lịch và hụi năm triệu đồng mở ngày 20/8/2022 âm lịch, do hành vi của chị N không cấu thành tội phạm nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Phú Tân ra Quyết định không khởi tố vụ án hình sự. Tuy nhiên, quá trình điều tra, bản thân chị N khi khai nhận với Cơ quan điều tra cũng không xác định được hai dây hụi tháng chưa mãn được mở khi nào, có bao nhiêu hụi viên tham gia trong khi dây hụi 3.000.000 đồng mở ngày 30/7/2021 âm lịch, đã mãn vào tháng 5/2023 âm lịch trước thời điểm đình hụi ngày 30/7/2023 âm lịch. Đồng thời, dây hụi 500.000 đồng mở ngày 15/01/2022 âm lịch, có lập danh sách hụi và được gửi cho các hụi viên biết. Trong cả hai dây hụi anh T yêu cầu, bà H có tham gia chơi 05 chân đều ghi tên ông Minh B là người chơi và trong danh sách hụi viên thể hiện tên ông Minh B làm chủ nhưng bà H và ông Minh B lại không có ý kiến gì thắc mắc cũng không có thông báo cho các hụi viên biết việc ông B cùng bà H không phải là chủ hụi của hai dây hụi nêu trên nên chưa đủ cơ sở xác định chị N làm chủ hai dây hụi này. Vì vậy, anh T xác định ông B cùng bà H làm chủ là có căn cứ.

[3] Mặc dù, chị N cùng anh L thực tế có gom hụi, tra tiền hụi, tuyên bố đình hụi và đối chiếu hụi với hụi viên nhưng với phân tích tại [2], Hội đồng xét xử xét thấy việc chuyển giao nghĩa vụ giữa ông B với chị N chưa rõ ràng, không có sự đồng ý của các hụi viên và việc mở hụi, chơi hụi nhằm tìm kiếm lợi nhuận để phục vụ cho chi phí sinh hoạt trong gia đình. Hơn nữa, bản thân chị N thừa nhận hiện vợ chồng chị đang đi làm thuê ở ngoài tỉnh, thu nhập hàng tháng sau khi trừ chi phí sinh hoạt gia đình chỉ còn dôi dư khoảng từ ba đến bốn triệu đồng. Vì vậy, việc chị N cùng anh L nhận trách nhiệm trả hết số tiền nợ của nguyên đơn là chưa đảm bảo nên không được chấp nhận mà cần buộc ông B, bà H và anh L, chị N cùng có trách

nhiệm liên đới trả số tiền nợ hụi trên cho nguyên đơn là phù hợp. Do đó, đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa và yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

[4] Về thời gian thanh toán, nguyên đơn có yêu cầu bị đơn trả một lần hết số tiền nợ nhưng Hội đồng xét xử xét thấy, việc thanh toán thuộc thẩm quyền giải quyết của Cơ quan thi hành án sau khi bản án có hiệu lực pháp luật nên không đề cập xem xét trong vụ án.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, bị đơn phải chịu. Nguyên đơn không phải chịu, số tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp được trả lại.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 370, 468, 471của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu của anh Lưu Út T.

Buộc ông Hồng Minh B, bà Nguyễn Thị H, anh Trần Quốc L, chị Hồng Thị N cùng có trách nhiệm liên đới trả cho anh Lưu Út T số tiền là 142.630.000 đồng (một trăm bốn mươi hai triệu sáu trăm ba chục nghìn đồng).

Kể từ ngày anh T có đơn yêu cầu thi hành án, ông B cùng bà H, anh L và chị N không tự nguyện thi hành xong, thì phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Ông Hồng Minh B, bà Nguyễn Thị H, anh Trần Quốc L và chị Hồng Thị N phải nộp số tiền là 7.131.500 đồng (bảy triệu một trăm ba mươi mốt nghìn năm trăm đồng - chưa nộp).

Anh Lưu Út T không phải nộp. Ngày 08/5/2024, anh T đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 3.775.000 đồng (ba triệu bảy trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003479 được trả lại toàn bộ cho anh T.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận: **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- Các đương sự;
- VKSND H.Phú Tân;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Lâm Hoài Ân